

VỀ NHỮNG HỆ THUYẾT Ở MIỀN TRUNG VIỆT NAM

*(Kết quả nghiên cứu điền dã của Trung tâm liên Văn hoá-Lịch sử
Khoa Lịch sử-Đại học Quốc gia Hà Nội từ năm 1990- 2000)*

Lâm Thị Mỹ Dung^(*)

Cách thức khai thác, sử dụng và ứng phó với môi trường nước ở một khu vực tự nhiên khắc nghiệt - còn được giới chuyên môn đặt, gọi là "vùng khô hạn (Dry area)" - Miền Trung Việt Nam, từ lâu đã là đề tài của nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước. Những chuyên khảo khoa học chuyên sâu cũng như một số bài viết kiểu dạng phổ cập thông tin hay quảng cáo du lịch cũng đã được xuất bản. Gần đây nhất có bài của tác giả Trần Viết Điền về những giếng cổ-đá thần ở Gio Linh Quảng Trị đăng trên tạp chí "Xưa-Nay" [2, tr.19-20].

Từ năm 1990 đến nay, trong những cuộc điền dã tổng hợp của Trung tâm liên Văn hoá-Lịch sử tiến hành ở một số nơi thuộc các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Phú Yên ..., chúng tôi đã khảo sát lại thực trạng của nhiều loại giếng, đập...mà các học giả Pháp đã dày công nghiên cứu, đồng thời cũng phát hiện thêm nhiều các di tích cùng loại ở nhiều khu vực khác nhau.

Tại miền Trung Việt Nam, từ Quảng Trị đến Phú Yên còn sót lại khá nhiều công trình xếp đá theo bậc trên các sườn đồi hoặc cồn ven theo dòng chảy nhằm phân chia ngăn nước dòng vào nhiều mục đích khác nhau, đồng thời chống rửa trôi, lở và xói mòn đất. Những công trình khai thác, sử dụng và ứng phó với môi trường nước, xếp đá theo kiểu bậc thang, đa chức năng, đa tác dụng này đã được GS. Trần Quốc Vượng gọi bằng thuật ngữ "*Hệ thủy-Hydraulic System*". Trong bài, chúng tôi sẽ sử dụng thuật ngữ này. Bài viết chỉ đề cập tới các hệ thủy, mà không nói tới các công trình khác như giếng đập, xe nước...vốn cũng rất phổ biến ở Miền Trung Việt Nam.

Những hệ thủy ở Quảng Trị

Từ những năm 1937-1940, nữ học giả Pháp M.Colani đã có những khảo cứu công phu và rất giá trị về các công trình kê đá kiểu bậc thang, phân bố trên vùng đồi đất bazan khai thác và sử dụng nguồn nước ngầm thuộc các vùng đất Vĩnh Linh, Gio Linh Cam Lộ. Kết quả của những nghiên cứu này được công bố trên các tạp chí của Trường Viễn đông Bác cổ Pháp (BEFEO) và Những người bạn của cố đô Huế (BAVH) [4]. Có thể tóm tắt luận điểm của M.Colani và của một số học giả Pháp như sau:

Đây là những công trình khai thác nước phục vụ mục đích tôn giáo, tín ngưỡng sinh hoạt, chăn nuôi và trồng trọt (với những quy định rạch ròi và nghiêm ngặt), được

^(*) TS Khảo cổ học, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

xây dựng từ thời cổ xưa, sau nền văn minh cự thạch, vào những thế kỷ sau Công nguyên. Chủ nhân của hệ thống thủy lợi Quảng Trị thuộc về nhóm cư dân từng sống ở Assam, Indonexia và một phần Đông Dương đã để lại hậu duệ ít ỏi và đã bị hoà vào trong tổng thể dân chúng đông đúc bản địa.

Sau M.Colani và các học giả Pháp, một số học giả nước ngoài và Việt Nam đã trở lại vấn đề này. Những nghiên cứu tập trung vào một số vấn đề về niên đại, chủ nhân, nguồn gốc với một số kiến giải chủ yếu sau:

1. Kiến giải của học giả Tạ Chí Đại Trường

Trong một bài viết cách đây gần 10 năm, ông đã đưa ra một loạt những phân biện xác đáng và hợp lý về những giả thiết và kết luận của M.Colani và những người khác về nguồn gốc Indonêxia và sự thiên di. Đồng thời qua một số kết quả đào thám sát tháng 3-1937, và đặc biệt là sự kiện xảy ra vào năm 1572 khi Nguyễn Hoàng đưa tù binh nhà Mạc lên vùng Cồn Tiên, Tạ Chí Đại Trường cho rằng: "Hệ thống thủy lợi dùng cho sinh hoạt và nông nghiệp ở Gio Linh là của những chiến tù 1572" [6]. Như vậy, có thể thấy rằng giả thuyết về chủ nhân là người Việt (cụ thể là những tù binh Mạc từ TK 16) không phải là giả thuyết mới như ý kiến của tác giả Trần Việt Điền trong bài viết in năm 1999.

2. Kiến giải của Bùi Huy Đáp, Đào Hùng, Lê Duy Sơn và một số người khác

Theo các tác giả này, Quảng Trị xưa là đất của vương quốc Chămpa. Thư tịch cổ cho biết đây từng là ô Châu, Ma Linh châu của Chiêm Thành nên chủ nhân của các hệ thống khai thác nước này đương nhiên là người Chăm [3], [5].

3. Ý kiến của các tác giả bài viết

Dựa trên những kết quả nghiên cứu thực địa (khảo sát trên mặt đất, đào hố thám sát, tính toán và tìm hiểu mối liên hệ của các công trình này với các di tích Chămpa quanh vùng...); dựa vào hệ thống các kỹ thuật-phương thức trị thủy khác nhau (21 kỹ thuật cơ bản) ở Đông Nam Á của J.Spencer, chúng tôi thiên về giả thuyết người Chăm là chủ nhân của các hệ thủy không phải chỉ ở Gio Linh, Quảng Trị mà còn là chủ nhân của những hệ thống tương tự ở Quảng Nam, Đà Nẵng, Phú Yên (nhất là ở Cù Lao Chàm). Những dẫn giải của chúng tôi được trình bày khá cặn kẽ trong một số bài viết, công trình nghiên cứu [1, tr67-79]. Xin nhấn mạnh rằng việc định niên đại cho một công trình trị thủy là một việc làm hết sức khó do từ nhiều nguyên nhân khác nhau. Điều kiện môi trường tự nhiên quy định phương thức sống của con người. Một công trình phúc lợi loại như thế này thường được bảo trì tu dưỡng và sử dụng qua nhiều thời kỳ bởi nhiều nhóm cư dân khác nhau. Thực tế cho thấy một hệ thống thủy lợi không phải lúc nào cũng thuộc một phương pháp kỹ thuật đồng nhất, mà thường đa dạng, phụ thuộc vào điều kiện sinh thái cụ thể từng vùng.

Kết luận của chúng tôi là vùng Cồn Tiên và những vùng đất đỏ khác rất thích hợp với việc trồng trọt đã từng được nhắc đến không chỉ một lần trong thư tịch cổ thế kỷ 16-18, chắc không phải là vùng đất không người khi Nguyễn Hoàng đưa tù binh Mạc lên tập trung ở đây.

Người Chăm có mặt ở vùng đất này từ rất sớm, ít ra cũng từ thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên. Theo thư tịch cổ Trung Hoa, người Chăm đã biết trồng lúa nước từ rất sớm, vào khoảng đầu Công nguyên. Nông nghiệp từng giữ vai trò quan trọng trong xã hội Chăm cổ. Bên cạnh việc trồng lúa, họ còn rất chú trọng trồng các loại cây khác mà sản phẩm có thể để xuất khẩu.

Vết tích còn lại của văn hoá Chăm-pa như kiến trúc, điêu khắc, các tư liệu khảo cổ học khẳng định sự có mặt của họ ở vùng Bắc Quảng Trị từ những thế kỷ 7-8 sau Công nguyên (có nhiều khả năng còn sớm hơn nữa). Tùy theo điều kiện sinh thái trong vùng, kết hợp với kinh nghiệm tìm mạch nước, đào giếng, làm bể chứa họ đã xây dựng những hệ thủy đa chức năng này... Cư dân Việt khi tới đây (theo sử thì phải từ thế kỷ 11) đã kế thừa và phát triển những thành tựu văn hoá, kinh tế này. Một điều chắc chắn rằng văn hoá vùng miền Trung Việt Nam là kết quả của quá trình giao lưu mạnh mẽ của các nhóm cư dân Việt-Chăm-Hoa. Người Việt đã mở mang thêm đất canh tác và các công trình lấy nước tương ứng. Chính sự phì nhiêu của đất bazan, điều kiện nước tưới thuận lợi, sự phong phú của các loại thực vật (thực vật trồng và lâm thổ sản) đã khiến Nguyễn Hoàng đưa tù binh nhà Mạc lên đây để phát triển kinh tế phục vụ mục đích củng cố Xứ Đàng Trong của ông. Dấu vết rất đậm nét của thế kỷ 16-17 đã chứng tỏ điều đó.

Hệ thủy ở Đà Nẵng

Trong đợt điền dã gần đây (tháng 02 năm 2000) tại địa bàn Đà Nẵng, chúng tôi đã tới khảo sát vết tích xếp đá Trường Định (thường được biết tới dưới tên gọi thành Hời) tại thôn Hội Yên, xã Hoà Bắc, huyện Hoà Vang. Dù đã bị huỷ hoại nhiều, nhất là trong thời gian gần đây do áp lực dân số, việc khai thác đá từ những công trình này để xây nhà gia tăng, song trên thực địa vẫn có thể quan sát thấy những bức tường đá cao khoảng 02m .

Hệ thủy Trường Định có cấu trúc dễ quạt- tường dọc, men theo những dòng chảy, ven theo sườn đồi dốc và nối giữa chúng là những tường chắn ngang theo từng cao độ. Hệ thủy ở Hội Yên có chức năng giữ, điều tiết nước, chống rửa trôi cho các mặt bằng phân bậc trồng khô, tương tự kiểu làm ruộng nước bậc thang. Đợt lũ lịch sử vừa qua (1999), cho thấy rất rõ vai trò của các hệ thủy này, ở những nơi mà cấu trúc đá xếp bị phá nhiều, hầu hết các thửa ruộng không thể canh tác được do bị đá, cát từ các khe suối tràn xuống lấp đầy.

Chưa có tư liệu đầy đủ để kết luận ai là chủ nhân ban đầu của những hệ thủy này. Chỉ biết rằng cư dân Việt hiện nay trên thực tế hầu như không biết đến và khai thác đúng chức năng của chúng. Tên gọi cũng không đồng nhất. Tại xã Hoà Bắc hiện

còn nhiều kiến trúc của người Việt (Miếu Khe Râm, Miếu Âm Linh, Miếu Ông Cao) sử dụng lại nhiều gạch Chăm cổ, chưa rõ lấy từ đâu, song chắc không xa lắm. Tại vườn nhà ông Nguyễn Công và khuôn viên miếu Ông, miếu Bà (thôn Nam Yên) chúng tôi đã thu nhặt được nhiều mảnh gốm Chăm cổ thô, hơi thô và mịn, tuy bị vỡ nát song vẫn có thể nhận biết là của các loại nôi, bình, vò... Có thể thấy rằng Hoà Bắc xưa kia cũng là nơi cư trú của người Chăm. Không phải ngẫu nhiên mà người địa phương gọi những công trình này là thành Hời (tức là thành của người Chăm).

Hệ thủy ở Cù Lao Chàm (Quảng Nam)

Tại Cù Lao Chàm, nơi còn dấu vết đậm nét của những địa điểm cư trú và bến cảng Chăm từ thế kỷ 8 đến thế kỷ 10, chúng tôi đã phát hiện hàng loạt hệ thủy ven chân núi khai thác nguồn nước ngọt tự nhiên chảy từ khe, suối xuống biển rất phong phú có từ thời cổ đại cho tới nay [7]. Hệ thủy Cù Lao Chàm có một số đặc điểm sau:

- Phân bố ở ven chân núi (bình độ trung bình 40m so với mặt nước biển), gần các khu dân cư hoặc khu canh tác ruộng, nương rẫy...

- Cấu trúc của các thủy hệ không đồng nhất mà đa dạng do phải thích ứng với địa hình và cấu tạo nguồn nước. Tuy vậy, kiểu thức chung là dựa vào thế tự nhiên của dòng nước (hiện nay thường được gọi chung là nước tự chảy), mà cư dân xếp những dải kê đá, phân dòng chảy và điều tiết nước thành nhiều khoang chứa- theo cao bậc khác nhau. Nước ở những khoang này được dùng cho những mục đích cụ thể như tấp ngưỡng, sinh hoạt, trồng trọt... Một số thủy hệ còn được bảo toàn khá tốt như hệ thống sau Chùa Hải Tạng, Ruộng Nà ở Bãi Ông...

Đã phát hiện được gốm Chăm và gạch Chăm ở một vài nơi có các thủy hệ, bên cạnh đó là gốm sành Miền Trung thuộc các thế kỷ 17-18 và gốm sứ Trung Hoa cùng thời kỳ. Chúng tôi cho rằng, mô thức thủy hệ đá xếp theo kiểu bậc thang là một trong những biện pháp trị thủy mà người Chăm đã áp dụng trong lịch sử. Những mô thức đó đã và đang được người Việt kế thừa, sử dụng, tu tạo và có thể cả mở rộng ra nữa. Thực ra, người Việt khó có thể làm khác đi nếu muốn duy trì cuộc sống của mình ở một vùng tự nhiên khắc nghiệt và đầy bất trắc như Miền Trung. Đây không đơn thuần chỉ là một sự thích ứng kỹ thuật (technological adaptation), mà còn là sự thích ứng xã hội (social adaptation).

Cũng vậy, các giếng xây gạch hình vuông, hình tròn, có nhiều cái là “giếng Hời” (gạch xây giếng giống hệt như gạch xây tháp Chàm), cũng có giếng cổ đã được người Việt, người Minh Hương về sau cải tạo lại, hay thậm chí xây mới theo kỹ thuật truyền thống cũ. Theo chúng tôi đó chính là diễn trình lịch sử của các hệ thủy Miền Trung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lâm Mỹ Dung, Các công trình khai thác nước dùng đá xếp ở Quảng Trị, *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2(1993), tr. 67-79.

2. Trần Việt Điền, Về chủ nhân Giếng cổ-Đá thần ở Tổng Bái Trời, *Tạp chí Xưa Nay*, số **62b** (1999), tháng 4, tr. 19-20.
3. Đào Hùng, Về phương thức trồng lúa của người Chăm thời cổ, *Tạp chí đất Quảng*, số **61**(1990) .
4. M. Colani, *Emploi de la pierre en des temps recules: Annam-Indonesia-Assam*, Bulletin des Amis du Vieux Hue, 1940.
5. Lê Duy Sơn, Các giếng nước cổ ở Gio An, *Tạp chí Cửa Việt*, số **4**(1991).
6. Tạ Chí Đại Trường, Dấu vết thủy lợi sử dụng chất liệu đá xếp ở vùng Gio Linh, *Tạp chí Văn Lang*, Số **2**(1991), California.
7. Trần Quốc Vượng, Lâm Mỹ Dung, Hoàng Anh Tuấn, Nguyễn Chí Trung, *Kết quả khảo sát một số phương thức khai thác và sử dụng nước của cư dân Hòn Lao- Cù Lao Chàm*, Tham luận Hội nghị Thông báo Khảo cổ học Toàn quốc năm 1999, Hà Nội.
8. Trần Quốc Vượng, Lâm Mỹ Dung và Nguyễn Tiến Đông, *Một số phương thức khai thác và sử dụng nước của cư dân Miền Trung Việt Nam*, Tham luận Hội nghị Quốc tế về Di tích Ăngkor- Xiêm Riệp, Campuchia, tháng 1, 2000.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., HUMAN., T. XVIII, N_o3, 2002

THE HYDRAULIC SYSTEMS IN CENTRAL VIETNAM

Dr. Lam Thi My Dzung

Department of History

College of Social Sciences & Humanities - VNU

The problem of water used for multiple purposes in Central Vietnam, the region which was termed "dry area" has been the subject of many fieldworks and studies. From 1990 up till now, members of the Center for Inter-Cultural and Historical Studies have carried out many surveys and researches on the water which we called "the hydraulic systems" in many provinces from Quang Tri to Khanh Hoa.

These hydraulic systems have many similar structures, such as: arranged by stones and consisting of different levels, each for a particular use. These constructions are thought to have been existing since the early days of history and owned by the Cham people, the Viet people, etc.

It should be emphasized that it is hard to identify the date of the water exploitation works because of 2 main reasons. First, the archaeological data are inadequate. Secondly, these constructions have been re-used and repaired for several times. However, we tend to accept that they were built initially by the Cham residents